

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 197/2022/HS-ST

Ngày: 17-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Huy Tường

2. Ông Lương Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 213/2022/TLST- HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thanh T, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT: Thôn Nà Hán, xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; Chỗ ở: Tổ dân phố Hoàng Mai 2, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 08/12; Con ông: Hoàng Văn Phương; Con bà: Hoàng Thị Thi; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Thi Thị Thế; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. N Văn Đ, sinh năm 1998; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT: Thôn Mực, xã Dương Hưu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: Thôn Đông Tiến, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 11/12; Con ông: N Văn Khoa; Con bà: Hoàng Thị Thoan; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Bị hại:** Công ty TNHH Samkwang Vina

Địa chỉ: Lô U, khu công nghiệp Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trung Đồng, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Nà Hán, xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng S.

- Ông N Thế T, sinh năm 1956 (có mặt)

Nơi cư trú: Ngõ 28, đường Ngô Gia Tự, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

- Anh Vũ Trí T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản Nà Lốc, xã Chiềng S, huyện Song Mã, tỉnh S La.

- Anh Lê Thế T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Trung, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trần Đình T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Song S, xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Đàm Văn D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bãi Lồi, xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trần Quang Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 7, xã Ân Hòa, huyện Kim S, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Chùa, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Hoàng Bá X, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Tam Tầng, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Thanh T và bị cáo N Văn Đ cùng là công nhân của Công ty TNHH Samkwang Vina (gọi tắt là Công ty Samkwang) thuộc Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (T vào công ty làm từ ngày 23/02/2022, Đ vào công ty làm từ ngày 25/3/2022). Công ty Samkwang đã phân công T làm công nhân tại phòng bắn đá gia công, có trách nhiệm hàng ngày đến làm việc tại phòng bắn đá gia công theo sự sắp xếp của quản lý, tổ T bộ phận; Đ phân làm tổ T phòng bắn đá gia công, có

trách nhiệm quản lý nhân lực ca làm việc, giao cho nhân viên cấp dưới, tổng hợp sản lượng của bộ phận mình quản lý. T và Đ đều làm việc tại tầng 1, tòa C của Công ty Samkwang.

Khoảng 23 giờ ngày 06/7/2022, trong quá trình làm ca đêm tại Công ty Samkwang; T nảy sinh ý định trộm cắp hàng thành phẩm là các cụm vỏ trước điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (còn gọi là khung xương điện thoại) để mang ra ngoài bán lấy tiền chi tiêu. T nói với Đ làm cùng ca đêm với T là “Em thấy có ít hàng trên tầng 2, anh em mình lấy đi”, ý của T nói với Đ là lấy trộm hàng thành phẩm đem ra ngoài bán lấy tiền thì Đ nói với T “Có biết hàng gì không mà lấy”. Khi nghe Đ nói vậy, T không nói gì nhưng T hiểu là Đ đã đồng ý, sau đó cả hai tiếp tục làm việc. Ngày 07/7/2022 và ngày 08/7/2022, T và Đ thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/7/2022, T đang làm ca đêm tại Công ty Samkwang, khi T đang làm công việc di chuyển hàng gia công từ tầng 1 lên tầng 2 của Tòa C phát hiện thấy có nhiều thùng hàng thành phẩm Đ đựng trong các thùng carton đặt trên tám palet, mặt ngoài thùng có dán giấy màu trắng ghi ký hiệu “A536”, T biết đây là các thùng hàng đựng khung xương điện thoại loại A536 đã thành phẩm. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp những thùng hàng này mang ra ngoài bán lấy tiền chi tiêu. T đi vào phòng vệ sinh tầng 1 Công ty và lấy túi nilon màu đen để khi đã lấy Đ hàng sẽ cho vào túi thuận tiện cho việc vận chuyển và cất giấu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ nghỉ giữa ca, T đi lên tầng 2 dùng tay bê 02 thùng hàng, mỗi thùng chứa khoảng 200 hàng thành phẩm đặt lên xe kéo rồi kéo xuống tầng 01. Khi T kéo hàng về phòng bắn đá tại tầng 01 nơi T làm việc thì T gặp Đ. Lúc này, Đ hỏi T “Hàng này là hàng gì”, T trả lời “Hàng này là hàng thành phẩm” và T bảo Đ không nói chuyện này với ai để T mang hàng ra ngoài. Đ hiểu ý T là sẽ trộm cắp số hàng này mang ra ngoài nên đồng ý để T chuyển số hàng này về chỗ T làm việc để cất giấu. Khi T đã mang 02 thùng hàng về phòng, Đ đã trực tiếp tắt điện trong phòng để mọi người không phát hiện, T dùng dao có sẵn của Công ty rạch phần băng dính của 02 thùng hàng và đổ hàng từ trong thùng ra túi nilon đã chuẩn bị trước đó để cất hàng vào trong túi nilon rồi buộc miệng túi lại. Lấy xong, T vứt thùng bìa cát tông sang phòng bên cạnh và cất gọn khay đựng thành phẩm vào vị trí đựng khay ở bên ngoài phòng bắn đá. Do thấy túi nilon đựng hàng to, khó mang ra ngoài theo cửa chính nên T đưa túi nilon ra cửa sổ phòng làm việc của T, đặt túi hàng trên bệ cửa rồi đi bộ theo hướng cửa chính ra ngoài xưởng rồi đi đến vị trí cửa sổ nơi vừa để đặt túi hàng và xách túi nilon này ra bãi đất trống của Công ty cách xưởng C khoảng 20m để cất giấu và tiếp tục quay lại đi làm việc.

Vụ thứ hai: Cùng hành vi như trên, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 08/7/2022 T làm ca đêm tại Công ty Samkwang, khi T đang làm công việc di chuyển hàng gia công từ tầng 1 lên tầng 2 của Tòa C phát hiện thấy có nhiều thùng hàng thành phẩm Đ đựng trong các thùng carton đặt trên tám palet, mặt

ngoài thùng có dán giấy màu trắng ghi ký hiệu “A536”, T biết đây là các thùng hàng đựng khung xương điện thoại loại A536 đã thành phẩm. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp những thùng hàng này mang ra ngoài bán lấy tiền chi tiêu. Trong lúc Đ nghỉ giữa ca, T đi lên tầng 2 dùng tay bê 02 thùng hàng, mỗi thùng chứa khoảng 200 hàng thành phẩm đặt lên xe kéo rồi kéo xuống tầng 01 để lấy hàng mang ra ngoài; khi T kéo về phòng bắn đá thì gặp Đ đang ở trong phòng. Lúc này, Đ tắt điện phòng và giúp T bốc hàng là các khung xương điện thoại trong khay hàng từ 02 thùng hàng vào trong túi nilon Đ T lấy ở phòng vệ sinh. Sau đó, T tiếp tục xách túi nilon chứa hàng ra cửa sổ phòng làm việc của T, đặt lên bệ rồi đi bộ ra ngoài lấy túi nilon đựng hàng và tiếp tục mang đến bãi đất trống đã cất giấu 01 túi nilon chứa hàng trộm cắp Đ ngày 07/7/2022 và để túi nilon này cất giấu tại đó. Khoảng 03 giờ 40 phút ngày 09/7/2022, T đi ra bãi đất trống và lấy 2 túi nilon này rồi ném qua khu vực hàng rào Công ty. Khi ném qua hàng rào thì có 01 túi bị rách nên T chia số hàng từ túi bị rách sang túi còn lại chứa hàng còn một phần hàng, T cho vào 01 túi nilon khác và trở vào xưởng làm việc bình thường. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 09/7/2022 đến giờ tan ca và nghe thông tin Công ty báo mất hàng thành phẩm nên khi về, T đã đi qua vị trí để 02 túi nilon hàng trộm cắp Đ ở phía bên ngoài hàng rào Công ty, lấy 02 túi nilon chứa hàng và mang đến khu vực bãi cỏ ven đường gom dân sinh thuộc địa phận tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên để cất giấu ở đó. Sau đó, T về phòng trọ, ngày 09/7/2022, T nhắn tin cho Đ và bảo Đ nghỉ việc về quê đi. Sau đó, T và Đ cùng nghỉ việc tại Công ty rồi về quê.

Công ty Samkwang đã tiến hành rà soát camera xác định Đ trong 02 ngày 07/7/2022 và ngày 08/7/2022, Hoàng Thanh T có hành vi lấy hàng từ tầng 02 xưởng C rồi kéo xuống tầng 01 mang vào phòng bắn đá nên ngày 14/7/2022, Công ty Samkwang đã yêu cầu T và Đ đến Công ty làm việc. Tại đây, Hoàng Thanh T và N Văn Đ đã trình bày rõ sự việc trộm cắp tài sản tại Công ty Samkwang vào các ngày nêu trên. Đồng thời, yêu cầu T đi đến chỗ cất giấu tài sản trộm cắp để lấy lại tài sản. Tuy nhiên, khi T đi đến khu vực bãi cỏ ven đường gom dân sinh thuộc địa phận tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang chỉ tìm thấy 01 túi nilon đựng hàng. Kiểm tra kiểm đếm bên trong túi nilon chỉ còn lại 216 chiếc.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, Công ty Samkwang tiến hành kiểm tra lại số lượng cụ thể và xác định Đ mất các loại hàng sau: 439 chiếc có mã code GH98-47262A; 223 chiếc có mã code GH98-47262B và 216 chiếc có mã code GH98-47262C. Tổng số hàng bị mất là 878 chiếc. Ngày 16/7/2022, anh Hoàng Văn S là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Samkwang đã làm đơn trình báo gửi Đồn Công an Quang Châu, huyện Việt Yên đề nghị giải quyết theo pháp luật và giao nộp 216 chiếc khung xương điện thoại gồm: 106 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98-47262A và 110 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước

của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262B.

Do biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 16/7/2022, N Văn Đ và Hoàng Văn T đến Đoàn Công an Quang Châu, huyện Việt Yên đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản. Đoàn Công an Quang Châu đã tiếp nhận và chuyển toàn bộ tài liệu, đối tượng T và Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên để giải quyết theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, Đ giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi số Imei 1: 861312054401960, Imei 2:861312054401978; T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15, số Imei 1: 865613058020631, Imei 2: 865613058020623.

Ngày 18/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá tài sản, xác định giá trị tài sản bị trộm cắp.

Tại kết luận định giá tài sản số 97/KL-HĐĐGTS ngày 20/7/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận:

- 439 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262A có tổng giá trị 95.199.784 đồng (trong đó 01 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98-47262A có giá trị 216.856 đồng).

- 223 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262B có tổng giá trị 48.719.702 đồng (trong đó 01 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262B có giá trị 218.474 đồng).

- 216 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262C có tổng giá trị 47.489.976 đồng (trong đó 01 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262C có giá trị 219.861 đồng).

Tổng tài sản trộm cắp có giá trị là 191.409.462 đồng.

Ngày 21/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã tiến hành rà soát, kiểm tra hệ thống Camera tại Công ty, thu Đ dữ liệu hình ảnh T và Đ trộm cắp tài sản trong công ty. Cơ quan điều tra đã trích xuất dữ liệu ra 01 đĩa DVD-R và tiến hành niêm phong.

Ngày 22/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định vị trí Hoàng Thanh T đã trộm cắp tài sản của Công ty, các vị trí T cất giấu tài sản. Kết quả bị cáo đã xác định đúng hiện trường trộm cắp, chỉ đúng vị trí cất giấu tài sản.

Ngày 13/8/2022, Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản làm việc, cho T và Đ xem lại video clip thu giữ từ camera của công ty, kết quả T và Đ thừa nhận những hình ảnh trong video clip chính là T và Đ khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Công ty.

Quá trình điều tra các bị cáo khai, khẳng định đã thực hiện hành vi trộm cắp ngày 07/7/2022 gồm 02 thùng hàng thành phẩm, mỗi thùng chứa khoảng 200 đến 230 chiếc hàng thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung và ngày 08/7/2022 gồm 02 thùng hàng thành phẩm, mỗi thùng chứa khoảng 200 đến 230 chiếc hàng thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung; đại diện Công ty Samkwang đã kiểm đếm bị mất tổng số 878 chiếc hàng thành phẩm đựng trong 04 thùng hàng thành phẩm, mỗi thùng chứa khoảng 200 đến 230 chiếc hàng thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung. Do vậy có đủ căn cứ xác định các bị cáo đã trộm cắp 02 ngày với tổng số 878 chiếc hàng thành phẩm.

Tại Bản cáo trạng số 208/CT-VKS ngày 25/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố các bị cáo Hoàng Thanh T và N Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/7/2022.

Xử phạt bị cáo N Văn Đ từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/7/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo T và bị cáo Đ phải liên đới bồi thường cho Công ty Samkwang số tiền là 144.390.586 đồng. Bị cáo T phải bồi thường số tiền là 72.195.293 đồng, bị cáo Đ phải bồi thường số tiền là 72.195.293 đồng. Nhưng Đ trừ đi bị cáo T (do anh Q nộp) nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên, bị cáo Đ (do ông T nộp) nộp 30.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp là 62.195.293 đồng, bị cáo Đ phải bồi thường tiếp 42.195.293 đồng.

Về xử lý vật chứng, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T, Đ thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, các bị cáo nhất trí bồi thường cho Công ty Samkwang số tiền là 144.390.586 đồng, bị cáo T và

bị cáo Đ tự thỏa thuận mỗi bị cáo chịu số tiền bồi thường là 72.195.293 đồng. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị hại anh S có mặt trình bày: Về yêu cầu bồi thường: Anh yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty Samkwang số tiền là 144.390.586 đồng. Về hình phạt đối với các bị cáo anh đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác. Anh không có ý kiến tranh luận gì với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

* Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Q, ông T trình bày: Anh Q là chủ ruột của bị cáo T, bị cáo T đã tác động anh nộp 10.000.000 đồng vào thi hành án để bồi thường cho Công ty Samkwang, nay anh không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả anh số tiền trên. Ông T là bác ruột của bị cáo Đ, bị cáo Đ đã tác động ông nộp 30.000.000 đồng vào thi hành án để bồi thường cho Công ty Samkwang, nay ông không yêu cầu bị cáo Đ phải hoàn trả anh số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người làm chứng đã Đ Tòa án triệu T hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; Điều 293, Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo T, Đ tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 07/7/2022 và ngày 08/7/2022, tại xưởng sản xuất C ở tầng 2 của Công ty TNHH Samkwang Vina thuộc Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo Hoàng Thanh T và bị cáo N

Văn Đ đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản có tổng giá trị là 878 chiếc khung xương điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thành phẩm có tổng giá trị 191.409.462 đồng bao gồm: 439 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262A có tổng giá trị 95.199.784 đồng; 223 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262B có tổng giá trị 48.719.702 đồng; 216 chiếc khung xương thành phẩm (cụm vỏ trước của điện thoại di động) để lắp điện thoại di động Samsung ký hiệu mã sản phẩm (model): SM-A536F, mã code: GH98- 47262C có tổng giá trị 47.489.976 đồng của Công ty Samkwang. Với hành vi nêu trên của các bị cáo T, Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy:

Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giải đơn, bị cáo T là người có vai trò chính trong vụ án, bị cáo T là người khởi xướng, rủ bị cáo Đ trộm cắp tài sản, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mang tài sản trộm cắp đi cất giấu. Bị cáo Đ khi Đ T rủ cùng trộm cắp tài sản thì Đ giúp sức cho T là tắt điện để T lấy trộm cắp tài sản. Như vậy, xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì bị cáo T có vai trò chính, bị cáo Đ có vai trò đồng phạm giúp sức nên Hội đồng xét xử cần phải xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã lợi dụng việc quản lý lỏng lẻo đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của công ty nơi các bị cáo đang làm việc, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công ty Đ pháp luật bảo vệ. Vì vậy, vụ án cần phải Đ xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo T, Đ đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp lại một phần số tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Đ có tham gia quân đội nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Các bị cáo T, Đ đều là người có nhân thân tốt.

Các bị cáo T, Đ hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo với xã hội trong một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T, Đ không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, Đ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty Samkwang anh S yêu cầu các bị cáo T, Đ tiếp tục phải bồi thường số tiền là 144.390.586 đồng là số tiền tương ứng với giá trị của 662 chiếc khung xương điện thoại không thu hồi Đ. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty số tiền trên và bị cáo T, Đ tự thỏa thuận mỗi bị cáo chịu số tiền bồi thường là 72.195.293 đồng nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo T, Đ phải liên đới bồi thường cho Công ty số tiền trên theo sự tự thỏa thuận của các bị cáo, mỗi bị cáo bồi thường 72.195.293 đồng. Nhưng trừ đi số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp số tiền 62.195.293 đồng, bị cáo Đ phải bồi thường tiếp 42.195.293 đồng.

- Ngày 05/9/2022, anh Hoàng Văn Q là chú ruột của bị cáo Hoàng Thanh T đã nộp số tiền 10.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị cáo T. Ngày 12/10/2022, ông N Thế T là bác ruột của bị cáo N Văn Đ đã nộp số tiền 30.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị cáo Đ. Tại phiên tòa anh Q và ông T không yêu cầu bị cáo T, Đ phải trả lại số tiền nêu trên. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Ngày 27/7/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại Công ty Samkwang (do anh Hoàng Văn S là đại diện theo ủy quyền) nhận lại tổng số 216 sản phẩm hàng thành phẩm (trong đó có 106 chiếc có mã code: GH98-7262A và 110 chiếc có mã code: GH98-7262B). Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số Imei1: 8613120544401960, số Imei2: 861312054401978 thu giữ của bị cáo Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15, số Imei1: 865613058020631, số Imei2: 865613058020623 thu giữ của bị cáo T; quá trình điều tra xác định là tài sản của các bị cáo không dùng vào việc phạm tội, tại phiên tòa các bị cáo

xin lại nên Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Các bị cáo T, Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/7/2022.

Xử phạt bị cáo N Văn Đ 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/7/2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật dân sự;

- Buộc các bị cáo Hoàng Thanh T và bị cáo N Văn Đ phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH Samkwang Vina thuộc khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên tổng số tiền là 144.390.586 đồng (một trăm bốn bốn triệu ba trăm chín mươi nghìn năm trăm tám sáu đồng).

Nghĩa vụ cụ thể:

+ Bị cáo Hoàng Thanh T phải bồi thường số tiền là 72.195.293 đồng (bảy hai triệu một trăm chín năm nghìn hai chín ba đồng), Đ trừ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đã nộp (do anh Hoàng Văn Q nộp) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 62.195.293 đồng (sáu hai triệu một trăm chín năm nghìn hai chín ba đồng).

+ Bị cáo N Văn Đ phải bồi thường số tiền là 72.195.293 đồng (bảy hai triệu một trăm chín năm nghìn hai chín ba đồng), Đ trừ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đã nộp (do ông N Thế T nộp) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 42.195.293 đồng (bốn hai triệu một trăm chín năm nghìn hai chín ba đồng).

- Công ty TNHH Samkwang Vina thuộc khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên Đ nhận số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của bị cáo Hoàng Thanh T (do anh Hoàng Văn Q nộp) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên (Biên lai thu tiền số 0001743 ngày 05/9/2022) và Đ nhận số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) của bị cáo N Văn Đ (do ông N

Thế T nộp) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên (Biên lai thu tiền số 0001820 ngày 12/10/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ thi hành án đối với khoản tiền Đ trả cho người Đ thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thanh T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15, số Imei 1: 865613058020631, số Imei 2: 865613058020623. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo N Văn Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số Imei 1: 8613120544401960, số Imei 2: 8613120544401978. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hoàng Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.110.000 đồng (ba triệu một trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo N Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.110.000 đồng (hai triệu một trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các bị cáo; Bị hại;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Vân

